

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 15/2022/HS-PT

Ngày: 20/05/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Ông Hoàng Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải –Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm Công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 18/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Hoàng Trọng C, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Đình CÔNG và Nguyễn Văn C2 do có kháng cáo của các bị cáo với bản án sơ thẩm số 185/2021/HS-ST ngày 27/08/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

** Bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị V, sinh năm 1971; Giới tính: Nữ; HKTT: Khu X B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng, nguyên trưởng khu X B ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Nguyễn Thực T, sinh năm 1930 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1933 (đã chết); Gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 5; Chồng: Nguyễn Thế T, sinh năm 1967; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 14/11/2014 bị UBND phường V, thành phố B “Khiển trách” về hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai, tài chính.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 10/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*”, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

2. Nguyễn Thị V1, sinh năm 1982: Giới tính: Nữ; HKTT: Khu X B,

phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng, kiêm kế toán khu X B ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Nguyễn Phương T, sinh năm 1953; Mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ 3; Chồng: Nguyễn Thế H, sinh năm 1983; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 14/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*”, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

3. Hoàng Trọng C, sinh năm 1966. Giới tính: Nam; HKTT: Khu X B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Hoàng Trọng N, sinh năm 1937 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1937; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1970; Con: Có 04 con con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 14/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*”, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

4. Nguyễn Khắc N, sinh năm 1974. Giới tính: Nam; HKTT: Khu X B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng, kiêm thủ quỹ khu Xuân Ổ B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đang bị cấp có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng); Bố: Nguyễn Khắc S, sinh năm 1941; Mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1940; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 4; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Con: Có 03 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 14/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*”, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

5. Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1959; Giới tính: Nam; HKTT: Khu X B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng, cán bộ quản lý ruộng đất khu X B ; Trình độ văn hóa: 08/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Nguyễn Thanh C, sinh năm 1938; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1937; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Con: có 04 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/05/2018 đến ngày 17/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*”, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

6. Nguyễn Đình C1, sinh năm 1985. Giới tính: Nam; HKTT: Khu X B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đảng,

đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng);
Bố: Nguyễn Đình C, sinh năm 1956; Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; Gia đình
có 03 anh em, bị cáo là thứ 1; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1986, con: Chưa có;
Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/05/2018 đến ngày 05/6/2018 được thay đổi
biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “*Bảo lĩnh*”, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên
tòa. Có mặt.

7. Nguyễn Văn C2, sinh năm 1960; Giới tính: Nam; HKTT: Khu B,
phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: CÔNG chức; Trình độ văn
hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức Vụ
đảng, chính quyền: Nguyên Bí thư đảng ủy phường V (đang bị đình chỉ sinh hoạt
đảng); Bố: Nguyễn Văn L (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị K (đã chết); Gia đình có 07
anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ: Tạ Thị Đ, sinh năm 1960; Con có 04 con, lớn sinh năm
1982, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân năm 2007 bị UBND thành phố B xử lý kỷ luật cách chức, chức
vụ Chủ tịch UBND phường V. Bị cáo hiện tại ngoại. Vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo V1:* Ông Đỗ Ngọc Q – Luật sư thuộc Văn
phòng luật sư Lô – Dơ – By – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo N:* Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Hồng T –
Luật sư thuộc CÔNG ty Luật TNHH quốc tế Hồng Thái và Đồng Nghiệp –
Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo C1:* Ông Phạm Tiến Q – Luật sư thuộc
CÔNG ty luật TNHH Quỳnh Như – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

* *Người bào chữa cho bị cáo N2:* Bà Nguyễn Thị L – Luật sư thuộc
CÔNG ty Luật TNHH Hùng Long Bắc Ninh – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh.
Vắng mặt.

Trong vụ án này còn có người có các bị cáo khác; bị hại; người có quyền
lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên
Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/10/2016 Công an thành phố B nhận được công văn số 2464/CV-
UBND ngày 10/10/2016 của UBND thành phố B và các tài liệu liên quan đến
việc chính quyền Khu X B , phường V, thành phố B có hành vi ghép và bán đất
trái pháp luật tại một số dự án trên địa bàn. Cơ quan cảnh sát điều tra CÔNG an
thành phố đã tiến hành xác minh và làm rõ, trong thời gian từ năm 2014 đến
2015 chính quyền khu X B , phường V, thành phố B đã có hành vi lợi dụng
quyền hạn bán trái phép 54 lô đất thuộc các dự án đất dân cư dịch vụ và một số

lãnh đạo người đứng đầu phường V đã thiếu trách nhiệm trong Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để khu X B bán đất trái phép gây thiệt hại cho các cá nhân mua đất, cụ thể:

I. Vi phạm trong triển khai, thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thể thao, trường mầm non và đất dân cư dịch vụ khu X B , phường V(gọi tắt Dự án 8,3ha):

Ngày 10/9/2004 UBND tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định số: 1276/CN, XD-CB- CT cho khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng khu thể thao trường mầm non và đất dân cư dịch vụ (DCDV) khu X . Căn cứ quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh, ngày 14/6/2005 Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số: 75/XD- QLN phê duyệt qui hoạch chi tiết khu thể thao, trường mầm non và đất ở dân cư dịch vụ khu X B , phường V với tổng diện tích 83.040,2m², trong đó có 163 lô đất dân cư dịch vụ, với tổng diện tích là 16.698,2m².

Ngày 04/02/2013 UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số: 188/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình hạ tầng kỹ thuật khu thể thao, trường mầm non và đất ở dân cư dịch vụ khu X B , giao cho UBND phường V, thành phố B làm chủ đầu tư: Diện tích đất Quy hoạch là 83.040,2m², trong đó đất ở là 16.698,2m²; đất giao thông, thoát nước là 37.648,8m², đất cây xanh, Công trình Công cộng là 28.693,2m², tổng mức đầu tư là 103.080.320.000đ; Nguồn vốn đầu tư: Thu từ các hộ được giao đất tại dự án và các nguồn vốn khác (nếu có). Căn cứ đề xuất của UBND phường V, UBND thành phố B đã có quyết định thu hồi đất và phương án đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân có đất bị thu hồi.

Triển khai các quyết định trên, ngày 10/5/2014 UBND phường V ra Quyết định số: 80/QĐ- CT thành lập Hội đồng xét duyệt và giao đất ở cho nhân dân trên địa bàn gồm 20 thành viên.

Ngày 02/10/2014 tại Hội nghị giao ban của phường V dưới sự chủ trì của Nguyễn Văn C2 - Chủ tịch UBND phường Võ Cường, UBND phường V có nghị quyết giao cho Trưởng khu X B thực hiện việc lập danh sách các hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi, xây dựng phương án ghép các hộ dân có diện tích đất bị thu hồi đủ điều kiện để được hưởng các lô đất dân cư dịch vụ theo quy định.

Trong buổi sinh hoạt chi bộ ngày 03/9/2014, Chi bộ khu X B họp thống nhất giao cho trưởng khu thực hiện nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch các bước cho việc ghép lô. Quá trình thực hiện chi bộ giao cho Nguyễn Đình CÔNG, sinh năm 1985, trú tại khu X B , phường Võ Cường, thành phố B (là chi ủy viên) tham gia vào ban tổng hợp với vai trò giám sát dự án. Ngày 06/10/2014 Hội nghị quân dân chính khu X B họp và bầu ban tổng hợp gồm 13 thành viên, gồm:

1. Nguyễn Thị V, sinh năm 1971- Chức vụ: Trưởng Khu X B - Trưởng Ban.
2. Nguyễn Thị V1, sinh năm 1982- Chức vụ: Kế toán khu, thành viên.

3. Nguyễn Khắc N, sinh năm 1974 Thủ quỹ khu là thành viên.
4. Nguyễn Thế H, sinh năm 1963- Trưởng Ban Công tác mặt trận khu là thành viên.
5. Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1959- Cán bộ quản lý rộng đất khu là thành viên.
6. Hoàng Trọng C, sinh năm 1966
7. Nguyễn Đình C1, sinh năm 1985- Chi ủy viên thành viên
8. Nguyễn Văn D, sinh năm 1967.
9. Ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1960.
10. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948.
11. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1949.
12. Ông Nguyễn Thực H, sinh năm 1973.
13. Ông Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1959.

Thông nhất ngày Công của Ban tổng hợp là 100.000đ/người/ngày và giao cho Nguyễn Thế Hiện là người chấm công và thực hiện việc chi trả tiền Công cho các thành viên.

Ngày 19/12/2014, Nguyễn Thị V tổ chức họp ban tổng hợp đưa ra phương án ghép lô đất dân cư dịch vụ của dự án, với tiêu chí phải là người địa phương có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 800m² trở lên, nếu không đủ diện tích thì ghép với các hộ khác. Ngày 20/12/2014 ban tổng hợp triệu tập và tổ chức hội nghị họp toàn thể nhân dân thông qua phương án ghép lô đất DCDV, tại hội nghị ghép được 145 lô đủ điều kiện còn thừa 18 lô (so với 163 lô đất DCDV được phê duyệt). Nguyễn Thị V đã đưa ra chủ trương để 10 lô đất dự phòng sau này mở rộng nghĩa trang khu, còn 08 lô đường đâm để lại dự phòng khi có phát sinh diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi mà chưa thống kê hết, chủ trương này được hội nghị nhất trí thông qua.

Quá trình thực hiện dự án, ban tổng hợp và các hộ đủ tiêu chuẩn nhận đất DCDV thấy diện tích đất của từng lô lớn (có diện tích từ 100- 110m²/lô) dẫn đến giá tiền nộp CSHT của từng lô đất cao. Do vậy ngày 31/5/2015 Ban Tổng hợp và 145 hộ dân đủ tiêu chuẩn nhận đất DCDV họp, tại cuộc họp V đưa ra chủ trương điều chỉnh qui hoạch khu đất dân cư dịch vụ giảm diện tích của từng lô xuống từ 80- 90m²/lô, tăng số lô đất DCDV để bán, tiền bán được số lô tăng thêm được bao nhiêu chia theo m² cho 145 hộ và 10 lô đất dự phòng mở nghĩa trang, phương án này được hội nghị thông qua và đề nghị UBND phường Vàm từ trình đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh qui hoạch. Ngày 09/5/2015 UBND phường Vàm từ trình gửi UBND thành phố B điều chỉnh qui hoạch chi tiết dự án đất dân cư dịch vụ, ngày 11/6/2015 UBND thành phố B có Quyết định số: 1071/QĐ- UBND điều chỉnh qui hoạch chi tiết dự án 8.3ha khu đất dân cư dịch vụ từ 163 lô lên thành 201 lô. Ngày 30/6/2015 UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số 228a/QĐ- UBND về việc thu hồi đất và giao cho UBND phường

Vcó trách nhiệm bàn giao khu đất cho UBND thành phố B để tổ chức giao đất DCDV theo qui định.

Sau khi có quyết định phê duyệt cho phép điều chỉnh đất DCDV từ 163 lô lên 201 lô, Nguyễn Thị V đã tổ chức họp ban tổng hợp và 145 hộ dân đủ điều kiện nhận đất đưa ra chủ trương giữ nguyên 10 lô để dự phòng sau này mở rộng nghĩa trang khu và 145 lô của 145 hộ đủ tiêu chuẩn nhận đất DCDV, thống nhất việc thu tiền cơ sở hạ tầng đợt 1 thấp nhất là 130.000.000đ/lô, còn thừa 46 lô đất DCDV bán với giá 270.000.000đ/lô, trong đó tiền đóng cơ sở hạ tầng đợt 1 là: 130.000.000đ/lô, còn 140.000.000đ/lô sẽ chia theo m² cho 155 lô đất, chủ trương này được hội nghị nhất trí tán thành và giao cho ban tổng hợp thực hiện.

Sau khi tiến hành bình và ghép lô xong, Nguyễn Thị V báo cáo Nguyễn Văn C2 về tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi và ghép lô đất DCDV, đề nghị chủ đầu tư tiến hành chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và thu tiền CSHT đợt 1, song do UBND phường Vkhông có kinh phí nên C2 đồng ý cho khu X B thực hiện việc ghi thu, ghi chi (tức là thu tiền cơ sở hạ tầng của các hộ dân được giao đất DCDV chi trả tiền bồi thường GPMB cho các hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi), sau đó C2 giao cho Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1981 là cán bộ, Công chức Văn phòng- Thống kê (làm nhiệm vụ ở bộ phận một cửa, trước khi được tuyển dụng Hoa làm cán bộ hợp đồng tại bộ phận một cửa từ năm 2004, Hoa được giao thêm nhiệm vụ làm thủ quỹ của UBND phường) xuống cùng phối hợp với khu Xuân Ổ B thực hiện việc ghi thu, ghi chi. Tuy nhiên do phức tạp không nắm được diện tích cụ thể của các hộ có đất bị thu hồi nên Hoa không làm được và Hoa có báo cáo lại với C2 nhờ khu X B thu hộ và được C2 đồng ý. Các phiếu thu tiền có đóng dấu của UBND phường tại góc trái phía trên được Hoa đưa cho Nguyễn Thị V.

UBND phường Vký hợp đồng gói thầu số 1 gồm các hạng mục san nền, đường giao thông, thoát nước, hào tuynel thuộc Dự án 8,3ha với đơn vị trúng thầu là CÔNG ty TNHH Soi Sáng có địa chỉ tại Thôn Lộ Khánh, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do ông Nguyễn Văn Soi làm giám đốc, giá trị hợp đồng là 40.411.971.000đ.

Sau khi có quyết định thu hồi đất và giao đất, UBND phường Vđã làm phiếu vị trí lô đất theo bản đồ qui hoạch và giao cho Khu X B tổ chức bốc thăm nhận đất DCDV. Ngày 07/6/2015 V tổ chức họp ban tổng hợp và 145 hộ dân được tiêu chuẩn cấp đất đưa ra chủ trương, trong 201 lô đất DCDV cho các hộ có tiêu chuẩn nhận đất DCDV bình và tự nhận lô, các hộ nhận lô ở vị trí lô đất đẹp phải đóng thêm tiền hạ tầng theo hệ số tùy vào vị trí lô đất, có 103 hộ có tiêu chuẩn nhận đất DCDV nhận vị trí đẹp và đóng thêm tiền CSHT là: 3.560.000.000đ, còn 98 lô đất DCDV, trong đó có 42 lô cho các hộ đủ tiêu chuẩn gấp lô, còn thừa 56 lô đất DCDV không có đối tượng đủ tiêu chuẩn ghép lô. Đối với 56 lô V chỉ đạo để lại 10 lô làm đất mở rộng nghĩa trang, còn 46 lô đất sẽ mượn người đứng tên không trên hồ sơ cấp đất để sau đó chuyển nhượng lấy tiền giảm tiền nộp cơ sở hạ tầng (với tiêu chí người đứng tên không lô đất phải là người địa phương, sinh từ năm 1995 trở về trước, được Nhà nước giao

cho sử dụng đất nông nghiệp, các đối tượng này không có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi hoặc có nhưng đã chuyển nhượng cho người khác để phù hợp với tiêu chuẩn được cấp đất DCDV.

Sau khi mượn và lập hồ sơ không 46 lô đất DCDV, V cho thông báo rộng rãi đến toàn thể nhân dân trên hệ thống loa truyền thanh khu và tại hội nghị quần dân chính, tiến hành niêm yết bản đồ quy hoạch khu đất dân cư của dự án tại Nhà văn hóa và đánh dấu các lô đất cần bán.

Khi các cá nhân đến liên hệ mua đất V giao cho Nguyễn Thị V1 viết phiếu thu tiền chênh lệch là 140.000.000đ/lô của người mua dưới hình thức “*Tự nguyện ủng hộ kinh phí giảm xây dựng cơ sở hạ tầng dự án 8,3 ha. phiếu thu có chữ ký của V*” sau đó phiếu được chuyển cho Hoàng Trọng C để thu tiền, tiền do Chiêm thu được, Chiêm đem đi gửi tại Ngân hàng Seabank- Chi nhánh Bắc Ninh để lấy lãi; Giao cho Nguyễn Thanh N1 viết phiếu thu tiền cơ sở hạ tầng đợt 1 là 130.000.000đ/lô, sau đó chuyển cho Nguyễn Khắc N là thủ quỹ thu (các phiếu thu đều có đóng dấu treo của UBND phường Võ Cường) việc mua bán đất được thực hiện tại Đình làng khu X B .

Với phương thức trên, trong thời gian từ ngày **27/8/2015** đến ngày **05/11/2016** Nguyễn Thị V cùng Ban tổng hợp đã bán hết 46 lô đất DCDV do lập không cho 5 cá nhân là: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt** sinh năm 1959, trú tại: Khu Hòa Đình, Võ Cường, thành phố B 27 lô (là các lô số 02, 10, 22, 23, 24, 27, 32, 33, 34, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 175, 176, 177, 178, 179, 183, 184, 185 và 186); Bà **Nguyễn Thị Nga**, sinh năm 1959 trú tại: Khu Hòa Đình, Võ Cường, thành phố B 10 lô (gồm lô 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99), **Nguyễn Khắc N** (thủ quỹ khu kiêm thành viên Ban tổng hợp) 05 lô (là lô 28, 29, 87, 88, 89), Bà **Ngô Thị Nhật**, sinh năm 1969 trú tại: Khu Hòa Đình, Võ C2, thành phố B 02 lô (là lô 30, và lô 31), Bà **Nguyễn Thị Minh**, sinh năm 1969 trú tại: Khu Bồ Sơn, Võ C2, thành phố B 02 lô (lô 25+ 26), với giá bán là 270.000.000đ/lô, khi bán V đưa cho người mua phiếu gấp lô. Tổng số tiền bán 46 lô đất được 12.420.000.000đ, trong đó thu 130.000.000đ/lô tiền cơ sở hạ tầng đợt 1 được 5.980.000.000đ, số tiền này để chi trả tiền BTGPMB; Thu tiền chênh lệch 140 triệu đồng/lô với hình thức nộp tiền ủng hộ được 6.440.000.000đ, số tiền này + với tiền nhận lô ở vị trí đẹp được chia cho 155 chủ lô (145 lô + 10 lô dự phòng mở rộng nghĩa trang), trong đó có 13 hộ được nhận tiền mặt, 142 hộ (gồm cả 10 lô đất dự phòng mở rộng nghĩa trang được nhận bằng hình thức viết phiếu thu nộp tiền CSHT đợt 2 (phiếu này do V1 viết, N thu tiền và cũng được dùng vào việc BTGPMB). Nguyễn Thị V1 được giao nhiệm vụ tính toán số tiền chia theo m² cho mỗi chủ lô trong 155 chủ lô cùng với Nguyễn Khắc N hợp thức hóa giấy tờ liên quan đến việc bán đất trái phép.

Số tiền chia theo m² cho 155 chủ lô là tiền bán 46 lô đất chênh lệch cộng với tiền chênh lệch của 103 hộ có tiêu chuẩn nhận đất DCDV nhưng nhận ở vị trí lô đất đẹp và tiền lãi suất thu được từ việc gửi tiền ngân hàng Seabank. Căn cứ diện tích m² của từng lô nhân lên, ngoài ra còn chi cho các thành viên Ban tổng hợp với mức chi 100.000đ/ngày công = 31.150000đ, tiền thuê phòng bạt

hội nghị 3.000.000đ, còn 76.597.000đ vẫn gửi tại Ngân hàng do ông Hoàng Trọng C và ông Nguyễn Thế Tuyền đứng tên.

Sau khi 05 cá nhân nộp tiền mua đất, Nguyễn Thị V thống nhất với người mua, người mua có trách nhiệm mời công chứng viên còn ban tổng hợp mời những người đứng tên hộ 46 lô đất ra ký hợp đồng chuyển nhượng tại Đình làng khu Xuân Ổ B. Bà Nguyễn Thị Nguyệt đã liên hệ với Nguyễn Thị Hoa để làm thủ tục công chứng (tại thời điểm này ngoài làm công tác tại UBND phường V Hoa còn khai làm cộng tác viên cho Văn phòng Công chứng Hoàng Phong, tỉnh Bắc Ninh có địa chỉ tại Phố Mới, thị trấn Chờ, Yên Phong, Bắc Ninh). Khi xuống làm thủ tục Công chứng Hoa mang theo mẫu các giấy tờ sau: Phiếu yêu cầu công chứng có đóng dấu treo của Văn phòng công chứng Hoàng Phong; Hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Giấy xác minh thửa đất, Ban tổng hợp mời những người đứng tên hộ 46 lô đất ra đình làng khi đi những người này mang theo CMTND, Sổ hộ khẩu gia đình (bản photo) để đưa vào hồ sơ. Tại đình làng khu X B , Hoa hướng dẫn người đứng tên hộ ký vào bên chuyển nhượng của Hợp đồng chuyển nhượng, bên ủy quyền của hợp đồng ủy quyền, phiếu yêu cầu Công chứng, giấy xác minh thửa đất, V ký vào phần xác nhận của trưởng khu tại phiếu xác minh thửa đất, Hoa để trống nội dung và người nhận chuyển nhượng, người ủy quyền, Hoa thu phí Công chứng của người mua số tiền 1.500.000đ/hồ sơ (một số hồ sơ Hoa viết ngay tại đình làng X B, một số hồ sơ người mua đất mang đến Văn phòng UBND phường V để Hoa viết hộ) Hoa khai số tiền thu được Hoa đã nộp cho Văn Phòng Công chứng Hoàng Phong mức nộp 1.000.000đ/hồ sơ, còn số tiền chênh lệch thu được 500.000đ/hồ sơ Hoa được hưởng. Sau khi nhận đủ hồ sơ Hoa điền các thông tin còn thiếu vào phiếu xác minh thửa đất, đồng thời viết thêm nội dung “*Chữ ký của bà Nguyễn Thị V, trưởng khu Xuân ổ ký là đúng*” vào phần phần xác nhận của UBND phường V tại phiếu xác minh thửa đất sau đó Hoa chuyển phiếu xác minh thửa đất cho Nguyễn Văn Bách, sinh năm 1962 và Nguyễn Hà Bắc, sinh năm 1979 đều là Phó chủ tịch UBND phường để ký xác nhận chữ ký của Nguyễn Thị V. Với hình thức trên từ ngày 08/9/2015 đến 16/3/2016 Hoa đã làm hồ sơ chuyển nhượng cho 44/46 lô đất và được các cá nhân mua đất trả cho 66.000.000đ. Nguyễn Văn Bách đã ký xác nhận chữ ký của Nguyễn Thị V vào 06 phiếu xác minh thửa đất, Nguyễn Hà Bắc ký xác nhận chữ ký của V vào 35 phiếu xác minh thửa đất.

Sau khi mua 46 lô đất 05 cá nhân có tên đã tiến hành mua đi bán lại cho 19 cá nhân khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 19.225.000.000đ

Biết khu X B còn thừa số tiền 800.000.000đ, Nguyễn Văn Soi giám đốc CÔNG ty TNHH Soi Sáng đã đề nghị UBND phường V tạm ứng cho Công ty. Nguyễn Văn C2 lúc này là Bí thư Đảng ủy phường, Nguyễn Văn B lúc này là Chủ tịch UBND phường V đã đồng ý. Ngày 03/8/2015 UBND phường V và Nguyễn Khắc N giao số tiền 800.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Hoa, sau đó Hoa chuyển cho ông Nguyễn Văn Tuấn là Phó giám đốc CÔNG ty TNHH Soi Sáng. Tương tự như vậy vào các ngày 02/8/2016 và 13/9/2016 Nguyễn Khắc N đã chuyển cho Nguyễn Thị Hoa lần lượt số tiền là 2.100.000.000đ và 151.375.000đ

là tiền thu cơ sở hạ tầng đợt 2 của Dự án 8,3ha) Hoa chuyển số tiền trên cho ông Nguyễn Văn Tuấn. Việc giao nhận tiền được lập thành các giấy biên nhận không có hóa đơn, chứng từ, không chuyển vào tài khoản của UBND phường V tại kho bạc Nhà nước, số tiền này sau khi sự việc xảy ra Công ty TNHH Soi Sáng đã chuyển trả lại cho UBND phường V.

Sau khi hồ sơ sự việc được chuyển đến CQCSĐT, ngày 12/10/2016 Khu X B đề nghị UBND phường V, UBND thành phố B cho phép Khu X B chuyển đổi đất ở dân cư dịch vụ sang đất ở tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất (trong số đó có 46 lô đất đã bán và 10 lô đất dự phòng mở rộng nghĩa trang). Ngày 19/10/2016 UBND phường V có Văn bản số: 216/CV-UB đề nghị UBND thành phố B cho phép UBND phường V chuyển đổi đất ở dân cư dịch vụ sang đất tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất trong đó có 56 lô đất tại Dự án 8.3ha). Ngày 12/01/2017 UBND thành phố B có Văn bản số 71 đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh xin chuyển đổi đất ở dân cư dịch vụ sang đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn khu X B, phường V, thành phố B (trong đó có 56 lô đất tại Dự án 8,3ha). Ngày 07/3/2017 Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh có CÔNG văn số: 324 đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh cho phép UBND thành phố B chuyển 103 lô đất DCDV sang giao đất theo hình thức bán đấu giá quyền sử dụng đất trong đó có 56 lô của dự án 8.3ha.

Ngày 26/5/2017 UBND tỉnh Bắc Ninh có Văn bản số: 1618/UBND-TNMT đồng ý với đề xuất của Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh về việc cho đấu giá quyền sử dụng đất. Ngày 08/7/2017 UBND thành phố B có Tờ trình số: 2096/TTr- UBND gửi UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh đề nghị phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất trong đó có 56 lô thuộc Dự án 8,3ha

Ngày 08/9/2017 UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số: 466/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 101 lô đất ở và giao cho UBND thành phố B thực hiện việc bán đấu giá theo quy định nay việc bán đấu giá 101 lô đất trong đó có 56 lô đất tại Dự án 8,3ha đã được thực hiện xong.

Ngày 20/12/2017 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B có quyết định trưng cầu giám định, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá thiệt hại tại thời điểm từ tháng 8 đến tháng 11/2015 trong việc chính quyền khu X B bán trái phép 46 lô đất DCDV

Tại Bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự số: 519/KL- ĐG ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B xác định: *Giá trị thiệt hại của 05 cá nhân đối với việc mua 46 lô đất tại dự án khu thể thao, trường mầm non và đất dân cư dịch vụ khu X B, Võ Cường, thành phố B là 12.420.000.000đ vì 05 cá nhân đã nộp 12.420.000.000đ nhưng không được sở hữu đất do ngày 26/5/2017 UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 1618/UBND- TNMT về việc bán đấu giá quyền sử dụng đất tại phường V, thành phố Bắc Ninh.*

Trong các ngày 12/6/2018, 10/10/2018 và 19/11/2018 Cơ quan CSĐT CÔNG an thành phố B ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Ninh giám định mẫu chữ viết, chữ ký, dấu quốc huy, dấu chức danh trên 43 giấy xác minh thửa đất, 46 phiếu gấp lô đất DCDV do cơ quan điều tra thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định số: 56 ngày 15/6/2020, Số 103 ngày 15/10/2010 và số 07 ngày 22/11/2018 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “UBND PHƯỜNG V T.P BẮC NINH T. Bắc Ninh trên 43 giấy xác minh thửa đất; 46 phiếu gấp lô đất DCDV là dấu Quốc huy của UBND phường V.

- Chữ ký của Nguyễn Văn Bách trên 06 giấy xác minh thửa đất là do Nguyễn Văn Bách ký ra, dấu chức danh PHÓ CHỦ TỊCH NGUYỄN VĂN B trên 06 giấy xác minh thửa đất do cùng dấu chức danh thu giữ tại UBND phường V đóng ra.

- Chữ ký của Nguyễn Hà B trên 35 giấy xác minh thửa đất là do Nguyễn Hà Bắc ký ra, dấu chức danh PHÓ CHỦ TỊCH NGUYỄN H trên 37 giấy xác minh thửa đất do cùng dấu chức danh thu giữ tại UBND phường V đóng ra.

- Chữ viết tại phần nội dung trên 42 giấy xác minh thửa đất là chữ viết của Nguyễn Thị Hoa, trừ phần giấy xác minh thửa đất số 24 ký hiệu 36 là chữ viết pho tô nên không thể giám định được và chữ viết tại các mục: Giấy xác minh thửa đất lô số 24 ký hiệu A1 dòng 6 đến dòng 10 từ trên xuống; Giấy xác minh thửa đất lô số 96 ký hiệu A4 dòng 4 đến dòng 7 từ trên xuống; Giấy xác minh thửa đất lô số 33 ký hiệu A5 dòng 8 đến dòng 9 từ trên xuống; Giấy xác minh thửa đất lô số 98 ký hiệu A19 dòng 8 từ trên xuống,

- Chữ ký trên 46 phiếu gấp lô đất ở DCDV là chữ ký của Nguyễn Thị V.

Ngày 02/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B ra quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Ninh giám định dấu tròn “ VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG PHONG” trên 34 phiếu yêu cầu Công chứng hợp đồng, phiếu tiếp nhận hồ sơ ký hiệu từ A1 đến A34 so với dấu tròn VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG PHONG đã được đăng ký mẫu dấu ký hiệu M

Tại bản kết luận giám định số: 93 ngày 10/5/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự CÔNG an tỉnh Bắc Ninh. kết luận:

- Không đủ cơ sở kết luận hình tròn màu đỏ có nội dung “VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG PHONG” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4, Từ A7 đến A11, Từ A16 đến A20, từ A22 đến A27, A30, A33, A34 so với mẫu so sánh ký hiệu M có phải do cùng một con dấu đóng ra không.

- Hình tròn màu đỏ có nội dung “VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG PHONG” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A5, A6, A12, A14, A15, A21,

A28, A29, A31, A32 so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra (11 dấu)

Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn Bách và Nguyễn Hà Bắc đã dùng tiền cá nhân bồi thường, hỗ trợ cho 19 người đã mua 46 lô đất với tổng số tiền 24.970.000.000đ, cụ thể C2 bồi thường 17.514.000.000đ, Nguyễn Văn Bách bồi thường 7.230.000.000đ, Nguyễn Hà Bắc bồi thường 226.000.000đ. Chính quyền Khu X B đại diện là Nguyễn Thị V đã trả cho bà Nguyễn Thị Minh người mua 02 lô đất là 540.000.000đ.

II. Vi phạm trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở khu Xuân Ổ A, phường V và dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu X B .

Năm 2004 UBND phường V được UBND tỉnh Bắc Ninh giao 49.074,6m² đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở khu Xuân Ổ A theo Quyết định số: 1390/QĐ- UBND ngày 23/8/2004 (gọi dự án 1390). Dự án ban đầu được UBND tỉnh phê duyệt giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho nhân dân khu Xuân Ổ A và khu X B , năm 2015 được UBND tỉnh cho phép chuyển sang giao đất ở dân cư dịch vụ. Tổng số đất ở được phân lô là 209 lô, trong đó có 35 lô thuộc khu X B . Cùng ngày 23/8/2004 UBND phường V được UBND tỉnh Bắc Ninh giao cho 39.864,3m² để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu X B theo quyết định số: 1392/QĐ- UBND (gọi dự án 1392). Trong đó đất DCDV được phân là 164 lô. Vào thời điểm đó ông Nguyễn Văn Ngoạn là trưởng khu X B (giai đoạn 2007- 2010) đã chỉ đạo khu tổng hợp diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, ghép lô đất ở cho các gia đình cá nhân, tại dự án 1390 ghép được 25 lô đủ điều kiện xét giao đất, còn thừa 10 lô trong đó có lô số 35. Năm 2010 ông Ngoạn tổ chức họp hội nghị nhân dân, hội nghị quân dân chính đảng để đấu giá 09 lô đất dư của dự án 1390, sai phạm này đã được Thanh tra tỉnh Bắc Ninh kết luận tại Kết luận số 22- KL- TTR NV2 ngày 28/10/2015.

Năm 2011 Nguyễn Thị V được bầu làm Trưởng khu X B , V nhận bàn giao lại hồ sơ của 02 Dự án **1390, 1392**, trước khi làm trưởng khu X B Nguyễn Thị V làm Chi hội trưởng phụ nữ, được tham gia trực tiếp họp hội nghị quân dân chính đảng nên V biết Dự án 1390 còn thừa lô đất DCDV số 35 và Dự án 1392 còn thừa 02 lô đất DCDV số 88 và số 89 (lô đường đâm) không còn đối tượng để duyệt giao đất.

Ngày 08/12/2014 V họp hội nghị quân dân chính và đưa ra chủ trương bán 03 lô đất số 35, số 88 và số 89 thuộc 02 dự án 1390 và 1392 để lấy kinh phí bồi thường cho các hộ dân mất đất và tài sản trên đất khi khu thực hiện mở rộng đường, V cho thông báo trên loa truyền thanh của khu và các cuộc họp, nếu ai có nhu cầu thì đăng ký và ra đình làng làm thủ tục. Từ ngày 31/12/2014 đến 27/12/2015 Nguyễn Thị V cùng Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Thị V1 đã bán 03 lô đất là lô số 35 số 88, 89 tại 02 dự án với tổng số tiền thu được là 955.000.000đ, số tiền này được dùng chi trả bồi thường mở rộng đường làng, cụ thể bán cho ông Nguyễn Thực Viện, sinh 1978, trú tại Xuân Ổ B, Võ

Cường, thành phố B lô số 35 giá 605.000.000đ (viết phiếu thu ngày 31/12/2014) bán cho bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1988, trú tại Xuân Ổ B, Võ Cường, thành phố B lô số 88 giá 155.000.000đ (phiếu thu ngày 27/01/2015), bán cho ông Nguyễn Xuân Tịnh, sinh năm 1988, trú tại Xuân ổ B, Võ cường, thành phố B lô số 89 với giá 195.000.000đ (viết phiếu thu ngày 27/01/2015). Về thủ tục mua bán, Nguyễn Thị V chỉ đạo Nguyễn Khắc N thu tiền của 03 người mua đất, chỉ đạo Nguyễn Thị V1 viết phiếu thu tiền với nội dung người mua “Gấp được lô đất số..... thuộc dự án đổi đất để mở rộng đường làng” Sau đó V chỉ đạo Nguyễn Thanh N1 lập danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện giao đất và đưa tên người mua vào danh sách đề nghị xét duyệt giao đất ở. Nguyễn Thanh N1 lập danh sách đưa ông Viện, bà Hòa, ông Tịnh vào danh sách cấp đất, đồng thời N2 tự tính toán lập không diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của những người này sao cho đủ diện tích theo quy định tối thiểu diện tích bị thu hồi là 700m² thì được xét 01 lô đất DCDV, lấy từ diện tích đất công ích của khu bị thu hồi không được Nhà nước đền bù khoảng 4000m² để trình Hội đồng xét duyệt giao đất ở của phường phê duyệt, cụ thể: Lô 35 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Thực Viện vợ là Nguyễn Thị Lạc lập không diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là 839m². Lô 88 đưa tên hộ gia đình ông Hồ Văn Minh vợ Nguyễn Thị Hòa lập không diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là 1.080m², lô 89 đưa tên hộ ông Nguyễn Xuân Tuyền bà Nguyễn Thị Huệ (Tuyền là con trai ông Nguyễn Xuân Tịnh) lập không diện tích bị thu hồi 2.143m².

Sau khi bán 03 lô đất và đưa người mua vào danh sách đề nghị UBND phường V xét duyệt giao đất, Khu X B đã trình UBND phường V qua Bùi Anh Điệp- CÔNG chức Quản lý xây dựng và đô thị. Điệp được Nguyễn Văn C2- Chủ tịch UBND phường V chỉ đạo, hướng dẫn khu X B lập hồ sơ xét duyệt đối tượng được hưởng đất DCDV, sau khi lập xong hồ sơ chuyển giao cho Điệp để kiểm tra. Căn cứ danh sách khu X B lập, Điệp lập lại danh sách đề nghị xét duyệt giao đất ở dân cư dịch vụ cho các hộ gia đình, cá nhân để trình Hội đồng xét giao đất để làm nhà ở cho nhân dân trong phường và tổ chức họp xét duyệt. Ngày 30/3/2015 Chủ tịch hội đồng là Nguyễn Văn C2 cùng các thành viên gồm: Nguyễn Hà Bắc- Phó chủ tịch (Bắc không có tên trong danh sách hội đồng xét giao đất); Nguyễn Xuân T - Cán bộ VP, Chu Thanh H - Kế toán, Nguyễn Văn T - Chỉ huy trưởng quân sự; Nguyễn Văn K - CBTP, Nguyễn Văn T - Chủ tịch MTTQ, Nguyễn Xuân T - Chủ tịch chi Hội CCB, Nguyễn Xuân T - Bí thư đoàn thanh niên, Nguyễn Văn T - Chủ tịch hội nông dân, Nguyễn Thị L - Hội Phụ nữ, Nguyễn Thị V- Trưởng khu X B, Nguyễn Xuân P - Bí thư chi bộ khu X B họp xét duyệt giao đất ở dân cư dịch vụ cho các hộ gia đình, cá nhân tại dự án 1390 gồm 35 lô đất DCDV trong đó có lô số 35 và dự án 1392 gồm 24 lô đất DCDV trong đó có lô đất số 88 và 89.

Ngày 16/4/2015 tại Tờ trình số: 25/TTr- UBND của UBND phường V (do C2 ký) đề nghị UBND thành phố, Hội đồng xét duyệt giao đất của thành phố phê duyệt phương án giao đất và danh sách giao đất DCDV tại 05 dự án trên địa bàn, trong đó có dự án 1390 và dự án 1392. Bùi Anh Điệp mang hồ sơ xét duyệt cho Nguyễn Khắc D - Chuyên Viên phòng tài nguyên và môi trường thành

phố Bắc Ninh, hồ sơ gồm: Đơn xin giao đất của các hộ dân kèm theo chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, danh sách xét duyệt của UBND phường, danh sách xét duyệt của khu X B , Biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt UBND phường V, Biên bản họp hội nghị quân dân chính khu X B , các quyết định của dự án. Ông Nguyễn Công V- Trưởng phòng TNMT thành phố giao cho ông Diêm Quốc D - Phó phòng thẩm định kiểm tra hồ sơ để trình Hội đồng xét duyệt giao đất ở thành phố B tổ chức họp xét duyệt. Ông Dũng giao cho ông Nguyễn Khắc Diện trực tiếp thẩm định, kiểm tra hồ sơ. Sau khi ông Diện thẩm định kiểm tra hồ sơ và đối chiếu với Hướng dẫn số: 04/HD của Sở TNMT và các quy định hiện hành báo cáo ông Vạn, ông D hồ sơ đủ điều kiện, ông Diện làm tờ trình đề ông V ký trình Hội đồng Xét duyệt giao đất ở thành phố. Ngày 05/5/2015 Phòng Tài nguyên môi trường thành phố có Báo cáo số: 94/BC- TNMT về kết quả rà soát hồ sơ xin giao đất DCDV của 05 Dự án trên địa bàn khu Khả Lễ, Khu X B , phường V, trong đó có các lô đất 35, 88 và 89, ngày 11/5/2015 Hội đồng xét giao đất thành phố B làm Tờ trình số: 02/TT- HĐXGD đề nghị UBND thành phố B duyệt phương án giao đất và danh sách các hộ gia đình, cá nhân được giao đất tại 05 dự án dân cư dịch vụ trên địa bàn khu Khả Lễ và khu X B , phường V, trong đó có 03 lô đất DCDV số 35, 88 và 89 của dự án 1390 và dự án 1392.

Căn cứ tài liệu trên ngày 12/5/2015 UBND thành phố B có Quyết định số: 907/QĐ- UBND phê duyệt phương án giao đất và danh sách các hộ gia đình, cá nhân được giao đất trong đó có 03 lô đất DCDV số 35, số 88 và số 89 của 02 dự án là dự án 1390 và dự án 1392.

Ngày 20/11/2015 lô đất số 88 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Hồ Văn Minh, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Hòa sinh năm 1988 địa chỉ: Khu X B , Võ Cường thành phố Bắc Ninh(thể hiện là thửa số 426, tờ bản đồ số 59, diện tích 73m² trên giấy chứng nhận).

Ngày 29/12/2015 lô đất số 89 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Xuân Tuyền, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1990 địa chỉ: Khu X B , Võ Cường thành phố Bắc Ninh(thể hiện là thửa số 410, tờ bản đồ số 59, diện tích 89,5m² trên giấy chứng nhận).

Ngày 07/6/2016 lô đất số 35 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thực Viện, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Lạc, sinh năm 1981 địa chỉ: Khu X B , Võ Cường thành phố Bắc Ninh(thể hiện là thửa số 290, tờ bản đồ số 60, diện tích 82,5m² trên giấy chứng nhận).

Ngày 10/7/2020 UBND thành phố B ra các Quyết định số: 1625, 1626, 1627 về việc hủy bỏ nội dung duyệt giao đất DCDV và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp đối với các lô đất số 35, 88, 89).

Ngày 10/3/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B yêu cầu định giá tài sản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố định giá thiệt hại đối với các lô đất 35, 88, 99. Tại kết luận số: 05/KL- HĐ ngày 22/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo vụ việc kết luận: Đơn giá theo quy định của Nhà nước lô đất số 35, 88, 89 là 1.239.937.500đ, theo giá thị trường là 2.107.905.000đ;

Các hộ gia đình của 03 lô đất số 35, 88, 89 đã nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 418.788.000đ, khi Nhà nước thu hồi 3 lô đất đã gây thiệt hại cho 3 gia đình là 955.000.000đ đến nay không thể khắc phục hậu quả, như vậy tổng thiệt hại của ba cá nhân đã mua 03 lô đất số 35, 88 và 89 sau đó bị thu hồi là 1.373.788.000đ.

III. Vi phạm trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đất ở dân cư dịch vụ khu X B .

Ngày 30/6/2005 UBND phường V được UBND tỉnh Bắc Ninh giao 16.813,5m² đất để xây dựng hạ tầng khu nhà ở DCDV khu X B theo Quyết định số: 230/QĐ- UBND (gọi là Dự án Đồng Sông), trong đó đất ở được phân 75 lô, khu X B đã tổng hợp diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi và ghép lô đất ở DCDV của dự án với 25 lô được ghép cho đối tượng đủ điều kiện và tiêu chuẩn được xét duyệt giao đất DCDV, còn thừa 50 lô.

Tại hội nghị quân dân chính ngày 08/12/2014 V đưa ra chủ trương đối với 50 lô đất DCDV còn thừa sẽ báo cáo UBND thành phố tổ chức bán đấu giá 20 lô đất, còn 30 lô dành đổi đất để mở rộng đường làng, ngõ xóm, phương án V đưa được hội nghị nhất trí.

Nguyễn Thị V và thành viên ban tổng hợp dự án mở rộng đường làng (gồm Nguyễn Thị V, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Khắc N. Hoàng Trọng C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thực H, Nguyễn Thực G, Nguyễn Thế H) tiến hành đo diện tích mở rộng đường làng và diện tích các hộ dân bị mất đất, sau khi tổng hợp bồi thường mở rộng đường làng với số tiền là 4.159.636.000đ

Để thực hiện dự án mở rộng đường làng, Nguyễn Thị V cùng các thành viên ban tổng hợp của dự án 8.3ha ngoài thống nhất bán 03 lô đất của dự án 1390 và 1392 như đã nêu cùng với 05 lô đất dân cư dịch vụ là các lô 02, 03, 04, 40, 75 tại Dự án Đồng Sông.

Để hợp thức hóa 05 lô đất DCDV tại Dự án Đồng Sông, V và các thành viên ban tổng hợp lập biên bản ghép không diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi và các thành viên hộ gia đình theo tiêu chuẩn xét duyệt (hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi 800m² đất nông nghiệp tại dự án thì được xét duyệt 01 lô đất DCDV) và nhờ người đứng tên hộ lô đất (người đứng tên hộ lô đất là những người nằm trong hộ gia đình bị mất đất, tài sản trên đất khi mở rộng đường làng) trong đó lô 02 được ghép từ 06 từ sau người (Trần Hữu T, Trần Hữu T, Nguyễn Thị L, Trần Hữu S, Nguyễn Xuân U, Nguyễn Xuân Q và nhờ Nguyễn Tiến L đứng tên lô đất); Lô số 03 được ghép từ 7 người là Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Thị M, Lê Hồng H, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh C,

Nguyễn Thị T và nhờ Nguyễn Thị D đứng tên: Lô số 04 được ghép từ 7 người là Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thế C2, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị O và nhờ Nguyễn Thị T đứng tên; Lô đất số 40 được ghép từ 6 người là Nguyễn Xuân Yên, Nguyễn Xuân Chiến, Nguyễn Xuân trình, Nguyễn Thị T, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân V và nhờ Nguyễn Thế Đ đứng tên; Lô số 75 ghép từ 7 người là Nguyễn Thế C, Nguyễn Thế Đ, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thế H, Nguyễn Thị Đ và nhờ Nguyễn Thế Đ đứng tên.

Nguyễn Thị V cho thông báo trên loa truyền thanh khu và các cuộc họp ai có nhu cầu thì đăng ký với Ban tổng hợp. Có 05 người dân của khu X B đã đăng ký và mua 05 lô đất, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Kết, sinh năm 1976, mua lô số 02 với giá 900.000.000đ (phiếu thu ngày 21/8/2015 và ngày 27/8/2015), Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1970 mua lô số 03 với giá 900.000.000đ (phiếu thu ngày 21/8/2015 và 27/8/2015), ông Nguyễn Thực Tùng, sinh năm 1968 mua lô 04 với giá 900.000.000đ (phiếu thu ngày 21/8/2015 và ngày 28/8/2015), Ông Nguyễn Đăng Tường, sinh năm 1967 mua lô số 40 với giá 800.000.000đ (phiếu thu ngày 21/8/2015) Nguyễn Khắc N mua lô 75 với giá 1 tỷ đồng (phiếu thu ngày 21/8/2015) tại các phiếu thu thể hiện “ Gặp được lô số.... tại dự án Đồng Sông khu X B , tự nguyện ủng hộ kinh phí mở rộng đường làng”. Khi thống nhất được giá bán V mời người mua và người đứng tên hộ ra Đình làng Xuân Ổ B làm thủ tục chuyển nhượng. Tại đây V chỉ đạo Nguyễn Thị V1 viết phiếu thu, Nguyễn Khắc N thu tiền của người mua đồng thời viết giấy biên nhận để hợp thức hóa (trên giấy biên nhận có chữ ký của thành viên ban tổng hợp với vai trò người làm chứng). Người mua đất sau khi nộp tiền được nhận phiếu thu và phiếu gấp lô đất ở DCDV. Từ ngày 21/8/2015 đến 28/8/2015, Nguyễn Thị V cùng ban tổng hợp dự án khu X B đã bán 05 lô đất như đã nêu thu được tổng số tiền 4.500.000.000đ, số tiền này cùng với số tiền bán 03 lô đất tại Dự án 1390 và 1392 được dùng để chi trả bồi thường mở rộng đường làng, chi trả tiền Công cho tổ Công tác và cho cho xây dựng giếng, đường của Khu X B .

Lô đất số 02 sau khi được bà Kết mua, bà Kết chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng Tường với giá 900.000.000đ, sau đó ông Tường chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thế Trung Đ, sinh năm 1981, trú tại: Đình Cả, Nội Duệ, Tiên Du, Bắc Ninh với giá 1.450.000.000đ (thực tế thanh toán 1.250.000,000đ, chênh 350.000.000đ): Lô số 75 được Nguyễn Khắc N chuyển nhượng cho anh Đặng Anh T, Sinh năm 1985, trú tại: Khu H, phường V, thành phố B với giá 1.300.000đ (chênh 300.000.000đ)

Ngày 20/3/2017 UBND phường V có văn bản số: 47/CV- UBND gửi UBND thành phố B về việc cho phép chuyển 14 lô đất dân cư dịch vụ khu X B (trong đó có 05 lô đất là các lô 02, 03, 04, 40, 75) sang đất ở để bồi thường bằng đất cho các hộ khi thực hiện dự án mở rộng đường giao thông, vườn hoa, khuôn viên khu văn hóa tại các khu dân cư trên địa bàn phường V. Ngày 28/7/2017 UBND tỉnh Bắc Ninh có Văn bản số: 2482/UBND- TNMT về việc cho phép chuyển 14 lô đất dân cư dịch vụ phường V trong đó có các lô 02, 03, 03, 40 và 75 sang để bồi thường bằng đất cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi khi thực

hiện dự án mở rộng đường giao thông, vườn hoa, khuôn viên khu văn hóa tại các khu dân cư trên địa bàn phường V. Tuy nhiên đến nay UBND thành phố B chưa tổ chức giao 05 lô đất cho 05 người đã mua, vì người mua không thuộc đối tượng được bồi thường bằng đất khi thực hiện dự án mở rộng đường giao thông, vườn hoa, khuôn viên khu văn hóa tại các khu dân cư trên địa bàn phường V.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự theo vụ việc số: 07/KL- ĐG ngày 05/7/2020 của Thành phố B kết luận: Đơn giá theo quy định của Nhà nước lô đất số 02. 03. 04. 40 và 75 là 4.111.288.500đ, theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch tháng 8/2015 đến tháng 11/2015 là 6.142.748.700đ

Như vậy tổng số tiền gây thiệt hại cho 05 cá nhân mua 05 lô đất số 02, 03, 04, 40 và 75 là: 4.500.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 947.725.000đ do UBND giao nộp (tiền đóng CSHT đợt 2 của 07 lô đất DCDV nằm trong 46 lô đất DCDV chính quyền khu bán trái thẩm quyền).

Khám xét nơi làm việc của Nguyễn Thị H ngày 17/8/2018 thu giữ số tiền 896.834.000đ, số tiền này gồm tiền Quỹ của UBND phường V là 739.734.000đ và 157.100.000đ là tiền cá nhân của Nguyễn Thị Hoa.

- Số tiền các bị can và gia đình những người liên quan tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả là 295.639.000đ, trong đó: Nguyễn Thị V nộp 2.150.000đ là tiền Công, Nguyễn Thị V1 tự nguyện giao nộp số tiền 40.000.000đ là tiền hưởng lợi giảm cơ sở hạ tầng và 1.650.000đ là tiền công, Nguyễn Khắc N tự nguyện nộp 40.000.000đ là tiền hưởng lợi giảm CSHT và 450.000đ tiền Công; Hoàng Trọng C tự nguyện nộp số tiền 86.639.000đ là tiền gốc và tiền lãi cộng lại tại Ngân hàng Seebank và 2.200.000đ tiền Công; Nguyễn Thanh N1 tự nguyện nộp 50,000,000đ là tiền hưởng lợi giảm CSHT và 2.100.000đ tiền Công, Nguyễn Đình CÔNG tự nguyện nộp 900.000đ tiền Công; Nguyễn Thế Hiện tự nguyện nộp 3.550.000đ tiền Công; Nguyễn Thị Hoa tự nguyện nộp 66.000.000đ là tiền phí dịch vụ Công chứng,

- Số tiền các thành viên còn lại trong Ban tổng hợp tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả là 7.800.000đ tiền công, trong đó Nguyễn Thực H nộp 1.850.000đ, Nguyễn Thị T nộp 1.400.000đ, Nguyễn Thị V nộp 1,450.000đ, Nguyễn Khắc L nộp. 1900.000đ, Nguyễn Văn D nộp 1.200.000đ

Ngoài ra cơ quan điều tra thu giữ các sổ nghị quyết của Đảng bộ phường V, sổ nghị quyết của chi bộ khu Xuân Ổ B, sổ họp quân dân chính của khu Xuân Ổ B, các hóa đơn, chứng từ thu, chi cùng các tài liệu khác có liên quan.

Ngoài ra quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án Nguyễn Thị V, Hoàng Trọng Chiêm, Nguyễn Đình C mỗi người còn tự nguyện nộp tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh một số tiền với mục đích khắc phục hậu quả, cụ thể Nguyễn Thị V nộp 20.200.000đ, Hoàng Trọng C và Nguyễn Đình C1 mỗi bị cáo nộp 20.000.000đ.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 185/2021/HS-ST ngày 27/08/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Hoàng Trọng C, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Đình C1 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành Công vụ*”, Bị cáo Nguyễn Văn C2 phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả N trọng*”.

+ Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281 BLHS 1999, khoản 2 Điều 7, Điều 38 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 của BLHS, xử phạt:

- **Nguyễn Thị V** 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày **15/01/2018 đến ngày 10/8/2018**. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

+ Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281 BLHS 1999, khoản 2 Điều 7, Điều 38 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 (điểm v khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Hiện), điểm g khoản Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 41 của BLHS, xử phạt:

- **Nguyễn Thị V1** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày **15/01/2018 đến ngày 14/5/2018**. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- **Hoàng Trọng C** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày **15/01/2018 đến ngày 14/5/2018**. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- **Nguyễn Thanh N1** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày **07/05/2018 đến ngày 17/8/2018**. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- **Nguyễn Khắc N** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày **15/01/2018 đến ngày 14/5/2018**. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù

- **Nguyễn Đình C1** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày **07/05/2018 đến ngày 05/6/2018**. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 7, điểm b, s v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt:

- **Nguyễn Văn C2** 3 năm 6 (ba năm sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/09/2021, bị cáo Nguyễn Văn C2 kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Đình C1 kháng cáo xem xét về tội danh và hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Thị V1 và Hoàng Trọng C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, HĐXX nhận được đơn của bị cáo Nguyễn Văn C2 xin rút tòa bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bị cáo V, N, N2, V1, Chiêm thừa nhận hành vi phạm tội của mình và bản án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, nhưng hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là quá N khắc, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đình C1 trình bày: Bản án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là không đúng. Bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người có chức vụ quyền hạn và không có yếu tố vụ lợi, đề nghị HĐXX xem xét lại về tội danh và hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Hoàng Trọng C, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Thanh N1 và Nguyễn Đình C1; sửa bản án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 281 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 7; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị V từ 08 năm tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bắt tạm giam từ ngày 15/1/2018 đến ngày 10/8/2018.

+ Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 281 BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 7, điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Đình C1 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bắt tạm giam từ ngày 07/5/2018 đến ngày 05/6/2018.

+ Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 281 BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 7, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS năm 2015 :

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị V1, Hoàng Trọng C, Nguyễn Khắc N mỗi bị cáo 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bắt tạm giam từ ngày 15/1/2018 đến ngày 14/5/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N1 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bắt tạm giam từ ngày 07/5/2018 đến ngày 17/8/2018.

Cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 03 năm đối với các bị cáo kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Giữ nguyên các quyết định khác của bản án số 185/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B không có kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất. Bị cáo CÔNG đề nghị HĐXX xem xét lại về phần tội danh cho bị cáo.

Luật sư Quang bào chữa cho bị cáo V1 trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ nhất cho các bị cáo vì trong vụ án có bốn bị cáo là Công chức nhà nước thì có ba bị cáo bị truy tố về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả N trọng” trong đó có ba bị cáo được hưởng án treo, còn bảy bị cáo là người dân khu X B , không hiểu thế nào là Công vụ lại bị truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành Công vụ”. Các bị cáo phạm tội không vì động cơ vụ lợi cá nhân, nên không phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành Công vụ”, luật sư đề nghị HĐXX xem xét hành vi của các bị cáo phạm tội “Cố ý làm trái quy định Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả N trọng” quy định tại điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 bởi các bị cáo đã vi phạm các quy định về đấu thầu.

Đối chiếu với quy định tại Luật đất đai và Luật kinh doanh bất động sản thì một số người bị hại mua những lô đất này khi chưa giải phóng mặt bằng, chưa có cơ sở hạ tầng cũng là trái quy định pháp luật, nếu cho rằng những người mua 54 lô đất này là bị hại thì đang bảo vệ những người vi phạm pháp luật. Đối với bị cáo V1 chỉ làm kế toán, làm nhiệm vụ ghi chép và cũng không được hưởng lợi gì. Từ đó đề nghị HĐXX xem xét lại tội danh cho các bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về tội danh khác cho các bị cáo hoặc nếu không hủy thì giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đã giao nộp, bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Luật sư Quyền bào chữa cho bị cáo C1 trình bày:

Xét về cấu thành tội phạm theo Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009, có thể thấy được bị cáo C1 là người không có vụ lợi cá nhân, theo Luật Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2012 với vai trò là chi ủy viên thì không phải là người có chức vụ, quyền hạn luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành Công vụ” như án sơ thẩm đã quy kết.

- Tại trang 9, 10, 11 của bản án sơ thẩm đã nêu “Trong buổi sinh hoạt chi bộ ngày 03/9/2014, Chi bộ khu X B họp thống nhất giao cho trưởng khu thực hiện nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch các bước cho việc ghép lô. Quá trình thực hiện chi bộ giao cho Nguyễn Đình C1, sinh năm 1985, trú tại khu X B, phường Võ Cường, thành phố B (là chi ủy viên) tham gia vào ban tổng hợp với vai trò giám sát dự án. Ngày 06/10/2014 Hội nghị quân dân chính khu X B họp và bầu ban tổng hợp gồm 13 thành viên, gồm:...7. Nguyễn Đình C1, sinh năm 1985-Chi ủy viên thành viên....”, đã quy kết cho bị cáo C1 tham gia ở Dự án 8,3ha là không chính xác, bởi đến tháng 5/2015 thì bị cáo C1 mới tham gia, nên không có trách nhiệm của bị cáo C1.

- Luật sư Q cũng cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án đã bỏ lọt hành vi phạm tội đối với ông Nguyễn Xuân P – Bí thư chi bộ khu X B .

- Bản án sơ thẩm đã có sai sót N trọng khi quy kết bị cáo C1 trong Dự án 8,3ha, có dấu hiệu áp dụng sai pháp luật về phần tội danh của các bị cáo, bản án sơ thẩm số 185/2021/HS-ST ngày 27/08/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B là không khách quan và toàn diện, nên đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo N là bà Đinh Thị Nguyên và ông Nguyễn Hồng Thái vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, kèm theo là bản luận cứ bào chữa. Tại bản luận cứ bào chữa cho bị cáo N, luật sư Nguyên và luật sư Thái đề nghị HĐXX xem xét kỹ lưỡng, khách quan các tình tiết để có thể đưa ra được bản án thấu tình, đạt lý, vừa có giá trị răn đe, trừng trị và vừa khoan hồng để bị cáo N có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

Người bào chữa cho bị cáo N2 là bà Nguyễn Thị Liệu đã có đơn không tiếp tục tham gia bào chữa cho bị cáo N2; bị cáo N2 có đơn từ chối luật sư.

Đôi đáp với quan điểm của luật sư Phạm Tiến Q đại diện VKS cho rằng:

Luật sư đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét trả hồ sơ điều tra bổ sung thì đại diện VKS cho rằng không có căn cứ, bởi cấp phúc thẩm pháp luật không quy định trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Đối với quan điểm của Luật sư khi cho rằng cấp sơ thẩm đã bỏ lọt hành vi phạm tội của ông Nguyễn Xuân P thì trong bản án sơ thẩm đã nhận định cần kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý ông Pha theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm của luật sư Q bào chữa cho bị cáo V1: Trong kết luận của Viện kiểm sát nêu rằng các bị cáo không có vụ lợi cá nhân, nhưng động cơ vụ lợi ở đây phải được hiểu theo nghĩa là vụ lợi địa phương. Theo Điều 3 Luật Phòng chống tham nhũng đã quy định rõ về người có chức vụ, quyền hạn được bổ nhiệm, bầu cử nên các bị cáo truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là có căn cứ”.

Luật sư Q đôi đáp: Các bị cáo không có tư lợi cá nhân, đại diện VKS cho rằng các bị cáo vì vụ lợi cục bộ địa phương thì các bị cáo phạm tội “Cố ý làm

trái quy định Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả N trọng” do các bị cáo làm lợi cho địa phương, còn tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” thuộc chương các tội phạm về tham nhũng. Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Luật sư Quyền đối đáp: Bị cáo C1 là chi Ủy viên từ tháng 4/2015; Dự án 8,3ha triển khai năm 2004, đến ngày 19/12/2014 bị cáo Nguyễn Thị V tổ chức họp ban tổng hợp đưa ra phương án ghép lô đất dân cư dịch vụ của dự án, nhưng bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo C1 có trách nhiệm khi tham gia trong thời gian này là không chính xác, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Đại diện VKS đối đáp: Luật sư Q đã đồng tình với quan điểm VKS cho rằng cấp phúc thẩm không có quy định về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung và sửa thành đề nghị HĐXX xem xét hủy bản án sơ thẩm để trả hồ sơ điều tra bổ sung. Luật phòng chống tham nhũng đã quy định rõ những người được nhân dân bầu lên là những người có chức vụ quyền hạn. Đại diện VKS giữ nguyên quan điểm, không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo, luật sư không tranh luận gì thêm. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo V, V1, Chiêm, N và N2 đều xin giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất. Bị cáo C1 đề nghị HĐXX xem xét lại tội danh cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bị cáo Nguyễn Văn C2 có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần của bị cáo C2.

[2]. Về tội danh: Bị cáo C1 và người bào chữa cho rằng bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” HĐXX nhận thấy: Tại Điều khoản 2 Điều 352 BLHS năm 2015. Khái niệm tội phạm về chức vụ nêu rõ: *“Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện Công vụ, nhiệm vụ”*. Vì vậy thấy rằng C1 và các bị cáo trong vụ án bị truy tố về tội “lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” đều do nhân dân khu X B , phường V, thành phố B bầu vào ban tổng hợp với vai trò tổ chức thực hiện dự án thông qua Hội nghị dân quân chính Đảng; bị cáo C1 được cấp ủy phân công đại diện cho cấp ủy khu X B nên bị cáo bị truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ.

Trong vụ án này, các bị cáo V, V1, Chiêm, N2, N, thừa nhận các bị cáo được nhân dân khu X B tín nhiệm bầu vào ban tổng hợp, bị cáo Nguyễn Đình C1 thừa nhận năm tháng 3/2015 bị cáo được Chi ủy phân công đại diện cho cấp ủy tham gia ban tổng hợp. Lợi dụng việc được UBND phường V giao nhiệm vụ thực hiện lập danh sách các hộ có đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi, xây dựng phương án ghép các hộ có diện tích đất nông nghiệp bị nhà nước thu hồi

để được hưởng các lô đất DCDV theo các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2014 đến tháng 11/2015, Nguyễn Thị V với chức trách là trưởng khu X B , phường V, thành phố B và các thành viên ban tổng hợp do nhân khu X B bầu ra, tiến hành bình lô ghép lô những hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ tiêu chuẩn nhận đất dân cư dịch vụ, theo tiêu chí hộ nào có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ 800m² thì được nhận 01 lô đất dân cư dịch vụ, nếu không đủ diện tích đất bị thu hồi thì có thể ghép với nhau để được nhận lô đất dân cư dịch vụ sau đó lập danh sách báo cáo UBND phường. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được UBND phường giao, thấy trên địa bàn có 3 dự án là Dự án 8,3ha, Dự án 1390, 1392 và Dự án Đồng Sông sau khi đã tiến hành bình lô ghép lô cho các hộ gia đình, cá nhân đủ tiêu chuẩn nhận đất dân cư dịch vụ theo quy định, vẫn còn thừa các lô đất do không còn đối tượng đủ tiêu chuẩn xét giao đất và theo quy định các lô đất này phải báo cáo với cấp có thẩm quyền để tổ chức bán đấu giá. Song vì muốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giảm tiền đóng góp cơ sở hạ tầng cho người dân và muốn có kinh phí để mở rộng đường giao thông và xây dựng các công trình phúc lợi, các bị cáo đã họp bàn thống nhất lập khống diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, mượn người không có đất hoặc có đất bị thu hồi nhưng không đủ điều kiện giao cấp đất dân cư dịch vụ đứng tên khống 54 lô đất, sau đó làm thủ tục bán cho 13 cá nhân, gây thiệt hại cho người trực tiếp mua đất là 18.293.788.000đ, riêng bị cáo C1 cùng các bị cáo khác gây thiệt hại cho người mua đất tại 02 dự án là Dự án 8,3ha và Dự án Đồng Sông là 16.920.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay các luật sư bào chữa cho bị cáo V1 và bị cáo C1 đều đề nghị xem xét lại về phần tội danh cho các bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo C1 đề nghị xem xét cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của ông Nguyễn Xuân P, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra lại, nếu không thì đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét phần đối đáp của vị đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành Công vụ”.

[3]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước, đồng thời gây thiệt hại đến tài sản của những người bị hại. Hành vi của các bị cáo còn là nguyên nhân dẫn đến khiếu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở nông thôn nên cần xử lý N bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Thị V là Trưởng khu X B đồng thời là trưởng ban tổng hợp với vai trò chính, các bị cáo Nguyễn Thị V, Hoàng Trọng C, Nguyễn Khắc N và Nguyễn Thanh N1 là thành viên ban Tổng hợp tham gia các cuộc họp bàn về việc triển khai và tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn, hơn ai hết bị cáo nhận thức và nắm rõ chức năng, nhiệm vụ của khu và ban tổng hợp không có

quyền giao đất hay bán đất, song vì vụ lợi cục bộ địa phương đưa chủ trương bán trái phép 54 lô đất tại 3 dự án gây thiệt hại cho những người mua 18.283.788.000đ. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị V1 với vai trò là kế toán khu, kiêm kế toán ban tổng hợp, là người viết phiếu thu tiền chênh lệch, hợp thức hóa các chứng từ và trực tiếp chia tiền theo m² cho 155 chủ lô của Dự án 8,3ha; Viết phiếu thu tiền bán đất trong các Dự án 1390, 1392, Dự án Đồng Sông. Hoàng Trọng C với vai trò là thủ quỹ ban tổng hợp, là người trực tiếp thu tiền chênh lệch từ việc bán trái phép 46 lô đất DCDV thuộc Dự án 8,3ha, mang đi gửi tại Ngân hàng Seabank- Chi nhánh Bắc Ninh, sau đó rút về chia tiền theo m² cho 155 chủ lô Dự án 8,3ha. Nguyễn Thanh N1 với vai trò thành viên ban tổng hợp, cán bộ quản lý ruộng đất khu, là người viết phiếu thu tiền cơ sở hạ tầng (130.000.000 đồng/lô) từ việc bán trái phép 46 lô đất DCDV thuộc Dự án 8,3ha; lập không danh sách đối với 03 lô đất DCDV thuộc Dự án 1390 và 1392 như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Nguyễn Khắc N với vai trò thành viên ban tổng hợp, thủ quỹ khu, là người trực tiếp thu tiền cơ sở hạ tầng (130.000.000 đồng/lô) từ việc bán trái phép 46 lô đất DCDV thuộc Dự án 8,3ha; tiền bán trái phép 03 lô đất DCDV thuộc Dự án 1390, 1392 và 05 lô đất DCDV thuộc Dự án Đồng Sông. Bị cáo Nguyễn Đình CÔNG với vai trò là chi ủy viên, thành viên ban tổng hợp, giám sát dự án, tham gia các cuộc họp ban tổng hợp, thông qua chủ trương bán trái phép 46 lô đất DCDV thuộc Dự án 8,3ha và 05 lô đất DCDV thuộc Dự án Đồng Sông, gây thiệt hại cho những người mua đất tổng số tiền là 16.920.000.000 đồng. Các bị cáo không phải là người đề xuất chủ trương bán đất, nhưng vì lợi ích cục bộ địa phương các bị cáo thực hiện hành vi tích cực, các bị cáo không vì lợi ích các nhân; sau khi vụ án được phát hiện các bị cáo đã nộp lại toàn bộ tiền công đã nhận, bị cáo V bồi thường cho bị hại. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị V 10 năm tù, các bị cáo Nguyễn Thị V1, Hoàng Trọng C, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Thanh N1 và Nguyễn Đình C1 mỗi bị cáo 7 năm tù là đúng với tính chất và mức độ của hành vi.

Trước phiên tòa phúc thẩm các bị cáo V xuất trình thêm các tình tiết: bị cáo đã Ủng hộ Hội chữ thập đỏ thành phố B số tiền 5.000.000 đồng được ghi nhận tấm lòng vàng, được chủ tịch UBND phường tặng giấy khen về thành tích phòng chống dịch Covid-19. Bị cáo có Công tổ giác tội phạm được Công an phường V xác nhận và có Công giúp đỡ người tàn tật; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo N có bố đẻ từng tham gia kháng chiến chống Mỹ là thương binh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo V1 được Chủ tịch UBND phường tặng giấy khen có thành tích trong phòng, chống dịch Covid-19 và ủng hộ số tiền 5.000.000 đồng vào quỹ phòng chống dịch Covid-19; bố đẻ bị cáo hoàn thành nghĩa vụ quân sự được xuất ngũ, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Hoàng Trọng C xuất trình tình tiết giảm nhẹ cứu người đuối nước được UBND phường V xác nhận và tham gia ủng hộ dịch Covid – 19, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết

giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo C1 được tặng thưởng giấy khen của Đoàn phường V. Xét thấy các bị cáo V, N, Chiêm, V1 và C1 có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo N2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ; xét hậu quả của vụ án đã được giải quyết xong phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại; nên HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, sửa bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết các phần nội dung kháng cáo của các bị cáo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Khắc N, Hoàng Trọng C, Nguyễn Đình C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn C2. Bản án sơ thẩm số 185/2021/HS-ST ngày 27/08/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B có hiệu lực đối với bị cáo Nguyễn Văn C2 kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Khắc N, Nguyễn Thanh N1, Hoàng Trọng C, Nguyễn Đình C1; sửa bản án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281 BLHS 1999, khoản 2 Điều 7, Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015, xử phạt:

Xử phạt: Nguyễn Thị V 08 (Tám) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2022, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 10/8/2018. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

+ Áp dụng khoản 3, 4 Điều 281 BLHS 1999, khoản 2 Điều 7, Điều 38 BLHS; điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 41 của BLHS năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V1 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2022, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 14/5/2018. Cấm các bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt: Hoàng Trọng C 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2022, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 14/5/2018. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt Nguyễn Khắc N 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2022, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến ngày 14/5/2018. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt Nguyễn Thanh N1 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2022, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 08/05/2018 đến ngày 17/8//2018. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt Nguyễn Đình C1 06 (Sáu) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/5/2022, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 08/05/2018 đến ngày 05/6/2018. Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 347 BLTTHS năm 2015 Quyết định bắt, tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Khắc N, Hoàng Trọng C, Nguyễn Đình C1 mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CSĐT, VKS, TAND thành phố Bắc Ninh;
- Trại tạm giam; PC 10 CÔNG an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Luật sư; Người TGTT khác;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Tuấn

